

PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Danh mục dự án trọng điểm và dự án tạo nguồn	Thông tin dự án trọng điểm									
		Quy mô đầu tư (năng lực thiết kế)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo		Diện tích (ha)		Dự kiến nộp NSNN giai đoạn 2023-2025	Kế hoạch vốn giai đoạn 2023-2025
				Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó, NS cấp huyện	Quy hoạch	Đất ở		
	Tổng số				2,976.4	76.4	1.4	114.6	34.2	2,903.0	2,898.0
	I Thành phố Hải Dương				1,157.3	76.2	1.2	44.9	13.3	1,080.0	1,080.0
	I.1 Dự án trọng điểm				1,157.3	76.2	1.2				
1	Cải tạo, mở rộng đường Vũ Công Đán kết nối thành phố Hải Dương với vùng huyện Cẩm Giàng, Bình Giang	1,8 km (Bn=33m)	2022-2025	8130; 15/12/2021	1,157.3	76.2	1.2				1,080.0
	I.2 Dự án tạo nguồn							44.9	13.3	1,080.0	1,080.0
1	Khu dân cư Trái Bầu, phường Lê Thanh Nghị							7.3	2.2	150.0	150.0
2	Khu dân cư, dịch vụ thương mại Thanh Bình (tại vị trí làng nghề mộc Đức Minh)							1.9	0.6	100.0	100.0
3	Khu đô thị Tân Phú Hưng (mở rộng)							33.7	10.1	530.0	530.0
4	Khu khách sạn và nhà chung cư hỗn hợp thuộc Khu hành chính tập trung tỉnh Hải Dương ⁽¹⁾							2.0	0.4	300.0	300.0
	II Huyện Ninh Giang				769.1	0.2	0.2	19.8	5.9	773.0	768.0
	II.1 Dự án trọng điểm				769.1	0.2	0.2				
1	Đường trục ĐH 02 (Đông - Tây) huyện Ninh Giang	10,65 km (Bn=12m)	2023-2025		769.1	0.2	0.2				768.0
	II.2 Dự án tạo nguồn							19.8	5.9	773.0	768.0
1	Điểm dân cư Đa Nghi 2 xã Nghĩa An							4.9	1.5	191.1	191.1
2	Đầu tư xây dựng Khu dân cư và kinh tế phức hợp xã Ứng Hòa, huyện Ninh Giang							10.0	3.0	389.6	384.6
3	Đầu tư xây dựng chợ Vė và Khu dân cư Thương mại xã Đồng Tâm, huyện Ninh Giang							4.9	1.5	192.3	192.3
	III Huyện Bình Giang				1,050.0			49.9	15.0	1,050.0	1,050.0
	III.1 Dự án trọng điểm				1,050.0						

STT	Danh mục dự án trọng điểm và dự án tạo nguồn	Thông tin dự án trọng điểm									
		Quy mô đầu tư (năng lực thiết kế)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo		Diện tích (ha)		Dự kiến nộp NSNN giai đoạn 2023-2025	Kế hoạch vốn giai đoạn 2023-2025
				Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó, NS cấp huyện	Quy hoạch	Đất ở		
1	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 395 (Đoạn từ Km16+750-Km23+920) và đường dẫn đầu cầu Cây đến đường tỉnh 394	ĐT.395 (đoạn trong khu dân cư Bn=25m; ngoài khu dân cư Bn=20m); 02 nhánh tránh dân cư Long Xuyên: Bn=33m	2023-2025		1,050.0						1,050.0
III.2 Dự án tạo nguồn								49.9	15.0	1,050.0	1,050.0
1	Khu dân cư phía Nam thị trấn Kẽ Sắt							19.9	6.0	476.4	476.4
2	Khu dân cư Trung tâm văn hóa, thể thao, giáo dục và dân cư mới xã Thái Học							19.9	6.0	370.1	370.1
3	Khu dân cư làng nghề Lược Vạc							10.1	3.0	203.5	203.5

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Ghi chú: ⁽¹⁾- Yêu cầu thực hiện hoàn trả tiền thuê đất và giá trị tài sản gắn liền với đất (theo Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND tỉnh là 70,88 tỷ đồng) trước khi phân bổ, bố trí vốn đầu tư dự án trọng điểm.